TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1284/2026/QĐST-HNGĐ	*TP.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 7 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 836/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ D, sinh năm 1990; Căn cước công dân số: 068190010295 cấp ngày 16/9/2022 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; Địa chỉ thường trú: B Tổ F, Ấp B, xã T (xã V, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Đình D1, sinh năm 1991; Căn cước công dân số: 038091028695 cấp ngày 10/10/2022 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; Địa chỉ: T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ: K, Yawata-shi, O, Nhật Bản; Địa chỉ cư trú: B Tổ F, Ấp B, xã T (xã V, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Bà Đặng Thị Mỹ D và ông Lê Đình D1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 1311/2021 do T1 tại O, Nhật Bản cấp ngày 26/11/2021).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Mỹ D và ông Lê Đình D1 thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà Đặng Thị Mỹ D và ông Lê Đình D1 xác nhận vợ chồng có có 02 (hai) con chung tên Lê Đặng Anh T, sinh ngày 02/3/2022 và Lê Quý L, sinh ngày 01/5/2024 ngoài ra không còn con chung nào khác. Vợ chồng thỏa thuận giao cho bà Đặng Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Lê Đặng Anh T và Lê Quý L, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Đình D1 đến khi bà Đặng Thị Mỹ D có yêu cầu.

Ông D1 có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được quyền cản trở. Nhưng ông D1 không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Mỹ D và ông Lê Đình D1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đặng Thị Mỹ D và ông Lê Đình D1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), bà Đặng Thị Mỹ D tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0025655 ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thị Mỹ D được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 10;
- THADS TPHCM;
- UBND thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Thị Mỹ Tiên

2 000026 705208